

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 05 năm 2024	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lập và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Võ Đình Quốc Huy	Chủ tịch	-	-
Ông Âu Dương Bửu Xuyên	Phó Chủ tịch	-	26/06/2024
Ông Nguyễn Trung Ân	Thành viên	-	-
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên	19/04/2024	-

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Đặng Thanh Hồng	Trưởng ban	-	-
Bà Nguyễn Thị Thanh An	Thành viên	-	-
Bà Trương Mộng Tuyền	Thành viên	26/06/2024	-
Bà Trần Huỳnh Tâm Minh	Thành viên	-	26/06/2024

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc	19/04/2024	-
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Trung Ân	Phó Tổng Giám đốc	-	-

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 187.296.347.404 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính từ ngân hàng, các nhà đầu tư chiến lược trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các ngân hàng, các nhà đầu tư chiến lược sẽ không tiếp tục cung cấp hỗ trợ tài chính cần thiết để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính riêng đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 08 năm 2024

Số: 26/2024/SX-RSMHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được lập ngày 20 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Mục 2.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc đính kèm về việc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền 187.296.347.404 VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị ảnh hưởng bởi vấn đề cần nhấn mạnh này.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Hoài Nam
Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3527-2021-026-1

(Theo Giấy ủy quyền số 11/2023-24/UQ-RSM hiệu
lực ngày 01/10/2023)

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		304.594.917.421	487.459.556.174
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	10.106.313.680	43.423.213.164
1. Tiền	111		10.106.313.680	18.423.213.164
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	173.000.000.000	300.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		173.000.000.000	300.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.138.362.823	74.643.921.197
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	21.847.505.010	28.206.627.778
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	32.282.531.455	33.104.907.852
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	9.741.368.561	16.352.643.902
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.733.042.203)	(3.020.258.335)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	60.000.653.981	66.245.888.226
1. Hàng tồn kho	141		60.000.653.981	66.245.888.226
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		349.586.937	2.646.533.587
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.12	336.533.931	2.410.334.713
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	13.053.006	236.198.874
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		926.600.709.033	934.130.395.002
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.495.745.852	9.495.745.852
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	9.495.745.852	9.495.745.852
II. Tài sản cố định	220		88.814.537.791	97.278.767.389
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	67.425.788.599	75.610.931.081
Nguyên giá	222		320.591.197.697	325.711.614.779
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(253.165.409.098)	(250.100.683.698)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.10	18.991.132.467	19.270.219.583
Nguyên giá	225		25.959.244.055	25.959.244.055
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.968.111.588)	(6.689.024.472)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.397.616.725	2.397.616.725
Nguyên giá	228		4.986.604.330	4.986.604.330
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.588.987.605)	(2.588.987.605)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.11	79.179.466.242	80.907.018.234
1. Nguyên giá	231		86.377.599.542	86.377.599.542
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.198.133.300)	(5.470.581.308)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		433.457.670.211	429.507.168.211
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	433.457.670.211	429.507.168.211
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	11.664.838.971	11.664.838.971
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.664.838.971	11.664.838.971
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.192.413.670	1.192.413.670
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.192.413.670)	(1.192.413.670)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		303.988.449.966	305.276.856.345
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	303.988.449.966	305.276.856.345
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.231.195.626.454	1.421.589.951.176

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		697.338.846.966	856.364.425.188
I. Nợ ngắn hạn	310		491.891.264.825	612.564.794.336
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	15.764.985.972	21.254.262.125
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.018.165.064	12.930.282.707
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	1.598.197.684	30.936.101.150
4. Phải trả người lao động	314	4.15	1.795.013.442	16.791.419.892
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	5.773.522.625	26.062.945.307
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	4.711.024.208	4.711.024.208
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	51.748.213.514	50.370.328.093
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	398.905.707.739	438.112.305.413
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.595.782.514	1.597.237.060
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.980.652.063	9.798.888.381
II. Nợ dài hạn	330		205.447.582.141	243.799.630.852
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.18	157.880.186.903	160.232.235.614
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	47.567.395.238	83.567.395.238
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		533.856.779.488	565.225.525.988
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	533.856.779.488	565.225.525.988
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		386.000.000.000	386.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		386.000.000.000	386.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(46.460.000)	(46.460.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		156.869.159.195	156.869.159.195
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.965.919.707)	22.402.826.793
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.965.919.707)	22.402.826.793
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.231.195.626.454	1.421.589.951.176

Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốcNguyễn Phúc An
Kế toán trưởngPhạm Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.21	84.817.936.997	160.678.119.384
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		84.817.936.997	160.678.119.384
3. Giá vốn hàng bán	11	4.22	62.351.864.040	113.297.834.508
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.466.072.957	47.380.284.876
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.23	5.218.577.101	12.970.714.741
6. Chi phí tài chính	22	4.24	12.565.233.891	18.763.723.690
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.546.444.076</i>	<i>18.763.723.690</i>
7. Chi phí bán hàng	25	4.25	8.367.122.790	11.014.959.323
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	16.888.737.956	17.334.504.375
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.136.444.579)	13.237.812.229
10. Thu nhập khác	31		1.425.724.864	2.177.891.237
11. Chi phí khác	32		181.848.443	155.320
12. Lợi nhuận khác	40		1.243.876.421	2.177.735.917
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.892.568.158)	15.415.548.146
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.28	6.234.549	2.959.938.147
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.898.802.707)	12.455.609.999

**Nguyễn Hoàng Anh**
Tổng Giám đốc**Nguyễn Phúc An**
Kế toán trưởng**Phạm Thị Thu Hiền**
Người lập biểu

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(8.892.568.158)	15.415.548.146
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	4.27	10.067.287.351	10.152.867.096
Trích, (Hoàn nhập) các khoản dự phòng	03		(288.670.678)	(667.244.277)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.998.954.966)	(13.216.656.714)
Chi phí lãi vay	06	4.24	12.546.444.076	18.763.723.690
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		7.433.537.625	30.448.237.941
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		7.294.953.251	3.107.324.541
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		6.245.234.245	14.631.662.584
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(74.814.274.348)	(47.963.563.883)
Giảm chi phí trả trước	12		3.362.207.161	5.162.437.814
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.875.635.426)	(18.079.482.854)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(5.152.201.462)	(2.896.000.780)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.100.000	31.290.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.061.487.344)	(1.836.635.790)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(69.559.566.298)	(17.394.730.427)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.999.333.600)	(23.137.836.696)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		953.703.704	21.749.968.965
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9.000.000.000)	(277.147.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		136.500.000.000	318.294.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.939.544.224	10.166.372.449
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		136.393.914.328	49.925.504.718

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.29	167.681.356.400	233.263.936.700
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.30	(242.887.954.074)	(280.549.999.998)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(648.981.102)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.944.649.840)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(100.151.247.514)	(47.935.044.400)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(33.316.899.484)	(15.404.270.109)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		43.423.213.164	25.642.083.138
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	10.106.313.680	10.237.813.029



Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Phúc An
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 08 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400101396 cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Công ty đã chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp". Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 11 tháng 11 năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400101396 thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 04 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp để thay đổi thông tin người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 386.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 03, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 336 (01 tháng 01 năm 2024 là: 420).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh xây lắp và khai thác cát;
- Sản xuất công nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ;
- Thi công xây dựng công trình giao thông và công trình dân dụng;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp (KCN).

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác cát sông - Thi công san lấp mặt bằng;
- Sản xuất và kinh doanh các loại VLXD: Bê tông tươi - Bê tông ly tâm - Bê tông nhựa nóng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN và kinh doanh nhà đất;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, nhà ở và trang trí nội thất;
- Thử nghiệm cơ khí VLXD, kiểm định chất lượng xây dựng, an toàn chịu lực công trình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy.	Cao Lãnh, Đồng Tháp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	Thiết kế kết cấu xây dựng công trình dân dụng; tư vấn môi trường; Tư vấn đấu thầu,...	Cao Lãnh, Đồng Tháp	67,9%	67,9%	67,9%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2024 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh xí nghiệp đầu tư và xây dựng	Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà đất, sản xuất và kinh doanh bê tông nhựa nóng; Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, nhà ở và trang trí nội thất	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng BMC Đồng Tháp	Thử nghiệm cơ khí VLXD, kiểm định chất lượng xây dựng, an toàn chịu lực công trình	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Chi nhánh Nhà máy bê tông	Sản xuất và kinh doanh các loại VLXD: Bê tông tươi - Bê tông ly tâm	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Trần Quốc Toản	Kinh doanh các loại VLXD	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Cao Lãnh	Kinh doanh các loại VLXD	Cao Lãnh, Đồng Tháp
Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Xẻo Vạt	Kinh doanh các loại VLXD	Châu Thành, Đồng Tháp

1.5. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo

Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/06/2024, tất cả các giấy phép khai thác cát của Công ty đã hết hạn, đồng thời, các giấy phép khai thác cát này không được tái gia hạn như thường lệ. Do đó, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để đóng các mỏ cát theo quy định hiện hành. Điều này làm cho sản lượng khai thác cát trong 6 tháng năm 2024 giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

Đồng thời, hoạt động kinh doanh khác cũng gặp nhiều khó khăn theo tình hình chung của thị trường. Do đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong kỳ này giảm so với kỳ trước lần lượt là 47%, 45% và 171%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 187.296.347.404 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính từ ngân hàng, các nhà đầu tư chiến lược trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các ngân hàng, các nhà đầu tư chiến lược sẽ không tiếp tục cung cấp hỗ trợ tài chính cần thiết cho Công ty. Do vậy, các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban giám đốc đã lập kế hoạch kinh doanh và dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ dựa trên một số giả định sau:

- Kế hoạch sử dụng tiền gửi có kỳ hạn

Công ty đã đạt được thỏa thuận với ngân hàng về việc Công ty sẽ thanh toán nợ vay đến hạn bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mà Công ty đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

- Kế hoạch cho thuê đất tại Cụm Công nghiệp Tân Lập

Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết theo quy định, nhằm cho thuê hơn 10 ha diện tích đất tại Cụm Công nghiệp đối với nhà đầu tư đã ký thỏa thuận thuê đất trả trước một lần cho toàn bộ thời gian thuê, và Công ty dự kiến sẽ toán tất thủ tục này trong quý 4/2024. Công ty dự kiến thu về số tiền cho thuê đối với hợp đồng cho thuê đã ký trước đó với giá trị khoảng 27 tỷ VND từ Công ty TNHH Hansoll Bông Sen Vina.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Gia hạn thời hạn thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2022 và cổ tức năm 2023

Đối với Cổ tức đợt 2 năm 2022 với giá trị khoảng 25 tỷ VND, Công ty đã ban hành Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 05/08/2024 để gia hạn, tạm hoãn chia cổ tức đợt 2 năm 2022 – Xem thêm Mục 4.34.

Đối với Cổ tức năm 2023 với giá trị khoảng 24 tỷ VND, Công ty dự tính thực hiện các thủ tục cần thiết để giãn lịch trả cổ tức. Cổ tức sẽ được thanh toán khi tình hình hoạt động kinh doanh tốt lên.

- Thu hồi khoản tiền trả trước cho Trung tâm phát triển quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp

Công ty đã kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các lô đất đã đấu giá tại huyện Châu Thành, hoặc giao lại các lô đất này cho Cơ quan quản lý Nhà nước để nhận lại số tiền đã nộp trúng thầu đấu giá (trúng thầu) là 26.513.835.000 VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2024.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.612.478.326	713.591.084
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.493.835.354	17.709.622.080
Tương đương tiền	-	25.000.000.000
Cộng	10.106.313.680	43.423.213.164

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 - 12 tháng với lãi suất trung bình từ 4,5%/năm đến 6%/năm, cụ thể như sau:

Số thứ tự	Ngân hàng	Số tiền tại ngày 30/06/2024 VND	Thời hạn gốc (tháng)	Cầm cố, thế chấp đảm bảo cho khoản vay
1	Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Đồng Tháp	3.000.000.000	12	Được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng công trình Tổ hợp thể dục thể thao Tân Thuận Tây.
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	72.000.000.000	6-12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 72.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.19.
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – PGD Lý Thường Kiệt	14.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền 14.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.19.
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc	31.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc với số tiền 31.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.19.
5	Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT – Chi nhánh Đồng Tháp	4.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 4.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.19.
6	Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT – huyện Cao Lãnh	27.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Cao Lãnh với số tiền 27.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.19.
7	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Tháp	8.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 8.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.19.
8	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	10.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền 10.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.19.
9	Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Đồng Tháp	4.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 4.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.19.
	Tổng	<u>173.000.000.000</u>		



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp	11.100.017.122	-	-	11.100.017.122	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	564.821.849	-	-	564.821.849	-	-
Cộng	11.664.838.971	-	-	11.664.838.971	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Docimexco	1.192.413.670	(1.192.413.670)	-	1.192.413.670	(1.192.413.670)	-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Docimexco để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ban QLDA và PTQĐ thành phố Cao Lãnh	2.163.929.000	6.546.341.112
Chi nhánh Công ty CP Hải Đăng tại Đồng Tháp	3.118.892.000	-
Chi nhánh Tổng công ty xây dựng số 1 – CTCP tại tỉnh Đồng Tháp	2.852.460.000	5.738.310.000
Các khách hàng khác (*)	13.712.224.010	15.921.976.666
Cộng	<u>21.847.505.010</u>	<u>28.206.627.778</u>

(*) Tại ngày 30/6/2024, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán là bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	600.000.000	-
Trung tâm phát triển quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp (*)	26.513.835.000	26.513.835.000
Công ty CP Địa chất Môi Trường Miền Nam	2.862.613.855	2.650.540.400
Các nhà cung cấp khác (**)	2.306.082.600	3.940.532.452
Cộng	<u>32.282.531.455</u>	<u>33.104.907.852</u>

(*) Trả trước cho Trung tâm phát triển quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp là khoản tiền Công ty đã nộp trúng thầu đấu giá để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trúng thầu). Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp đã nộp hồ sơ để xử lý nhưng chưa hoàn tất.

(**) Tại ngày 30/6/2024, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	500.000.000	-	500.000.000	-
Tạm ứng	1.382.805.616	-	841.200.683	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.855.358.904	-	11.576.326.027	-
Phải thu khác (*)	3.003.204.041	-	3.435.117.192	-
Cộng	9.741.368.561	-	16.352.643.902	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	9.495.745.852	-	9.495.745.852	-

(*) Tại ngày 30/6/2024, mỗi khoản phải thu khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn khác.

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.097.232.304	-	8.945.856.499	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.186.288.002	-	3.316.301.896	-
Thành phẩm	3.803.050.369	-	3.396.636.504	-
Hàng hóa	45.914.083.306	-	50.587.093.327	-
Cộng	60.000.653.981	-	66.245.888.226	-

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 30/06/2024 là 36.392.652.316 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.19.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Khu Công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười (*)	433.457.670.211	429.507.168.211

(*) Quyền khai thác dự án Khu Công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư Phát Triển tỉnh Đồng Tháp – Xem thêm Mục 4.19.

(*) Khu Công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười đã điều chỉnh tổng mức đầu tư hai lần. Lần một, từ 800 tỷ VND lên 1.266 tỷ VND, lần hai từ 1.266 tỷ VND lên 1.410 tỷ VND (trong đó, chi phí đầu tư của Công ty là 925 tỷ). Tại ngày 30/06/2024, hồ sơ đề nghị điều chỉnh đã được đệ trình Thủ tướng Chính phủ và đang chờ phê duyệt – Xem thêm Mục 4.32.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2024	35.333.978.091	239.823.457.064	41.933.984.697	571.350.270	8.048.844.657	325.711.614.779
Mua trong kỳ	-	48.831.600	-	-	-	48.831.600
Thanh lý	-	(5.169.248.682)	-	-	-	(5.169.248.682)
Tại ngày 30/06/2024	35.333.978.091	234.703.039.982	41.933.984.697	571.350.270	8.048.844.657	320.591.197.697
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2024	21.141.710.537	192.063.829.951	33.172.039.674	571.350.270	3.151.753.266	250.100.683.698
Khấu hao trong kỳ	873.701.808	5.611.112.952	1.178.131.931	-	397.701.552	8.060.648.243
Thanh lý	-	(4.995.922.843)	-	-	-	(4.995.922.843)
Tại ngày 30/06/2024	22.015.412.345	192.679.020.060	34.350.171.605	571.350.270	3.549.454.818	253.165.409.098
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2024	14.192.267.554	47.759.627.113	8.761.945.023	-	4.897.091.391	75.610.931.081
Tại ngày 30/06/2024	13.318.565.746	42.024.019.922	7.583.813.092	-	4.499.389.839	67.425.788.599

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 30/06/2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 144.950.141.911 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2024	2.397.616.725	76.000.000	2.512.987.605	4.986.604.330
Tại ngày 30/06/2024	<u>2.397.616.725</u>	<u>76.000.000</u>	<u>2.512.987.605</u>	<u>4.986.604.330</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2024	-	76.000.000	2.512.987.605	2.588.987.605
Tại ngày 30/06/2024	-	<u>76.000.000</u>	<u>2.512.987.605</u>	<u>2.588.987.605</u>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2024	<u>2.397.616.725</u>	-	-	<u>2.397.616.725</u>
Tại ngày 30/06/2024	<u>2.397.616.725</u>	-	-	<u>2.397.616.725</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.588.987.605 VND.

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là hạ tầng khu công nghiệp Trần Quốc Toản được Công ty thuê lại từ Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp với giá thuê theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toản là 25.959.244.055 VND trong 40 năm, tính từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư cho thuê

	Cơ sở hạ tầng – Cụm công nghiệp VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2024	86.377.599.542
Tại ngày 30/06/2024	86.377.599.542
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2024	5.470.581.308
Khấu hao trong kỳ	1.727.551.992
Tại ngày 30/06/2024	7.198.133.300
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2024	80.907.018.234
Tại ngày 30/06/2024	79.179.466.242

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư là 79.179.466.242 VND đã được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc – Xem thêm mục 4.19.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Cấp phép khai thác khoáng sản	183.872.046	2.212.079.939
Chi phí khác	152.661.885	198.254.774
Cộng	336.533.931	2.410.334.713
Dài hạn:		
Tiền thuê đất Cụm CN Tân Lập (*)	229.276.609.019	229.668.637.019
Tiền thuê đất KCN Trần Quốc Toản (**)	70.763.069.175	71.796.581.919
Tiền thuê mặt bằng Cửa hàng Cao Lãnh	1.494.800.008	1.892.240.008
Chi phí khác	2.453.971.764	1.919.397.399
Cộng	303.988.449.966	305.276.856.345

(*) Tiền thuê đất tại Cụm CN Tân Lập là tiền thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (tính đến ngày 17 tháng 08 năm 2070) đối với diện tích cho thuê 389.014,3 m².

(**) Tiền thuê đất tại KCN Trần Quốc Toản là tiền thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (tính đến ngày 13 tháng 02 năm 2058) đối với diện tích cho thuê 395.621,4 m².

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	1.883.044.770	1.883.044.770	1.201.194.023	1.201.194.023
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Trường Phát	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Nguyên Phát Thanh Bình	1.638.186.000	1.638.186.000	4.884.478.000	4.884.478.000
Các đối tượng khác (*)	9.243.755.202	9.243.755.202	12.168.590.102	12.168.590.102
Cộng	15.764.985.972	15.764.985.972	21.254.262.125	21.254.262.125

(*) Tại ngày 30/06/2024, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	859.582.327	6.960.736.939	3.501.310.133	-	4.319.009.133
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	5.152.201.462	6.234.549	-	5.145.966.913
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.620.900	643.943.828	571.432.917	-	80.131.811
Thuế tài nguyên	-	507.660.000	16.086.742.500	4.290.945.000	-	12.303.457.500
Phí môi trường	-	223.334.457	5.869.692.950	1.888.015.800	-	4.205.011.607
Tiền thuê đất	-	-	718.215.099	954.413.973	236.198.874	-
Thuế môn bài	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-
Thuế phải nộp khác	13.053.006	-	19.714.209.820	14.818.632.628	-	4.882.524.186
Cộng	13.053.006	1.598.197.684	55.160.742.598	26.045.985.000	236.198.874	30.936.101.150

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2024.

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trích trước chi phí cấp quyền khai thác cát và tiền thuê mặt nước với hoạt động khai thác cát	4.743.170.500	20.837.202.388
Lãi dự chi	323.883.793	653.075.143
Khác	706.468.332	4.572.667.776
Cộng	5.773.522.625	26.062.945.307

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả cổ tức cho các cổ đông (*)	49.277.529.527	50.054.503.600
Phải trả, phải nộp khác	2.470.683.987	315.824.493
Cộng	51.748.213.514	50.370.328.093

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2024 ngày 26/06/2024 và phải trả cổ tức đợt 2 năm 2022 có giá trị lần lượt là 24.167.675.767 VND và 25.109.853.760 VND.

4.18. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	4.711.024.208	4.711.024.208
Dài hạn:		
Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	157.880.186.903	160.232.235.614

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là:

- Khoản tiền khách hàng trả trước một lần cho toàn bộ thời gian thuê đất tại khu công nghiệp Trần Quốc Toản trong vòng 50 năm, kết thúc thời hạn thuê tại ngày 13 tháng 02 năm 2058 và;
- Khoản tiền khách hàng trả trước một lần cho toàn bộ thời gian thuê đất tại Cụm Công nghiệp Tân Lập trong vòng 48 năm, kết thúc thời hạn thuê tại ngày 17 tháng 08 năm 2070.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	98.635.912.451	98.635.912.451	33.370.542.214	67.647.580.033	132.912.950.270	132.912.950.270
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sa Đéc	31.000.000.000	31.000.000.000	14.000.000.000	33.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT – CN Huyện Cao Lãnh	44.500.000.000	44.500.000.000	44.500.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
NH Ngoại thương Đồng Tháp	19.973.396.485	19.973.396.485	21.063.396.485	22.990.374.030	21.900.374.030	21.900.374.030
Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Sa Đéc	54.147.417.701	54.147.417.701	54.747.417.701	67.500.000.000	66.900.000.000	66.900.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	150.648.981.102	150.648.981.102	-	-	116.398.981.113	116.398.981.113
Cộng	398.905.707.739	398.905.707.739	167.681.356.400	241.137.954.063	438.112.305.413	438.112.305.413

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dài hạn:						
Quý Đầu tư Phát Triển Tỉnh Đồng Tháp	107.800.000.000	107.800.000.000	-	-	107.800.000.000	107.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Sa Đéc	69.000.000.000	69.000.000.000	-	-	69.000.000.000	69.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	-	1.750.000.011	1.750.000.011	1.750.000.011
Nợ thuê tài chính	21.416.376.340	21.416.376.340	-	-	21.416.376.340	21.416.376.340
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(150.648.981.102)	(150.648.981.102)	-	-	(116.398.981.113)	(116.398.981.113)
Cộng	47.567.395.238	47.567.395.238	-	1.750.000.011	83.567.395.238	83.567.395.238

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp:

Hạn mức vay	: 110.000.000.000 VND.
Thời hạn vay	: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 27 tháng 06 năm 2025.
Hình thức vay	: Là khoản vay thấu chi và thế chấp.
Lãi suất	: Dao động từ 4,5%/năm đến 6,7%/năm.
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (trừ hoạt động bất động sản).
Tài sản đảm bảo	: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng - Xem thêm Mục 4.2, chi tiết: <ul style="list-style-type: none">▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 72.000.000.000 VND;▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – PGD Lý Thường Kiệt có giá trị là 14.000.000.000 VND;▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Đồng Tháp có giá trị là 4.000.000.000 VND;▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – CN Đồng Tháp có giá trị là 8.000.000.000 VND;▪ Ngân hàng TMCP Kiên Long – CN Đồng Tháp có giá trị là 4.000.000.000 VND.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc:

Hạn mức vay	: 50.000.000.000 VND.
Thời hạn vay	: 12 tháng.
Hình thức vay	: Vay theo các hợp đồng thấu chi.
Lãi suất	: Dao động từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm.
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo	: Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc có giá trị là 31.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Cao Lãnh:

Hạn mức vay	: 50.000.000.000 VND.
Thời hạn vay	: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28 tháng 06 năm 2025.
Hình thức vay	: Vay theo hợp đồng thế chấp
Lãi suất	: Dao động từ 6%/năm đến 6,5%/năm.
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo	: Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – huyện Cao Lãnh có giá trị là 27.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Đồng Tháp:

Hạn mức vay : 30.000.000.000 VND.
Thời hạn vay : 06 tháng.
Hình thức vay : Vay theo các hợp đồng thế chấp.
Lãi suất : Dao động từ 6,5%/ năm đến 8,3%/năm.
Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo : Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 10.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Sa Đéc – tỉnh Đồng Tháp

Hạn mức vay : 100.000.000.000 VND.
Thời hạn vay : 06 tháng.
Hình thức vay : Vay theo các hợp đồng thế chấp.
Lãi suất : Dao động từ 6,1%/ năm đến 8,2%/năm.
Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo : 13 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có 6 miếng đất của KCN Thụy Vân – Xem thêm Mục 4.6.

Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát Triển Tỉnh Đồng Tháp:

Hạn mức vay : 134.800.000.000 VND.
Thời hạn vay : 05 năm.
Lãi suất : 7,6%/năm.
Mục đích vay : Thanh toán chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
Tài sản đảm bảo : Quyền khai thác dự án – Xem thêm Mục 4.7.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc:

Hạn mức vay : 215.868.000.000 VND.
Thời hạn vay : 48 tháng.
Hình thức vay : Vay theo các hợp đồng thế chấp.
Lãi suất : 10%/năm.
Mục đích vay : Thanh toán tiền thuê đất thuộc dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Lập.
Tài sản đảm bảo : Quyền sử dụng đất, hàng hoá bất động sản và tài sản gắn liền với đất – Xem thêm Mục 4.6 và 4.11.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Khoản nợ thuê tài chính của Công ty là khoản thuê hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn giữa Công ty và Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng số 02/HĐ ngày 11 tháng 08 năm 2010, với tổng giá trị thuê hạ tầng là 12.457.518.514 đồng trong 46 năm, bắt đầu từ năm 2010 kết thúc năm 2056. Tổng giá trị thuê hạ tầng sẽ được điều chỉnh khi các công trình đầu tư xây dựng hoàn thành và được Sở Tài chính thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư. Theo Công văn số 131/UBND-KTTH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp, Công ty và Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp ký thêm phụ lục hợp đồng cho Hợp đồng thuê số 02/HĐ, điều chỉnh giá thuê theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn là 25.959.244.055 VND trong 40 năm, tính từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Thời hạn:						
Từ 1 năm trở xuống	648.981.102	-	648.981.102	648.981.102	-	648.981.102
Trên 1 năm đến 5 năm	2.595.924.408	-	2.595.924.408	2.595.924.408	-	2.595.924.408
Trên 5 năm	18.171.470.830	-	18.171.470.830	18.171.470.830	-	18.171.470.830
Cộng	21.416.376.340	-	21.416.376.340	21.416.376.340	-	21.416.376.340

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2023	386.000.000.000	(46.460.000)	144.349.192.231	49.764.737.286	580.067.469.517
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2023	-	-	-	12.455.609.999	12.455.609.999
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.774.898.385	(3.774.898.385)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.833.095.093)	(1.833.095.093)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	(49.942.447.600)	(49.942.447.600)
Tại ngày 30/06/2023	386.000.000.000	(46.460.000)	148.124.090.616	6.669.906.207	540.747.536.823
Lãi trong 6 tháng cuối năm 2023	-	-	-	29.150.228.597	29.150.228.597
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	8.745.068.579	(8.745.068.579)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.480.784.432)	(4.480.784.432)
Giảm khác	-	-	-	(191.455.000)	(191.455.000)
Tại ngày 01/01/2024	386.000.000.000	(46.460.000)	156.869.159.195	22.402.826.793	565.225.525.988
Lỗ trong 6 tháng đầu năm 2024	-	-	-	(8.898.802.707)	(8.898.802.707)
Hoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023	-	-	-	1.764.848.974	1.764.848.974
Chia cổ tức	-	-	-	(24.167.675.767)	(24.167.675.767)
Giảm khác	-	-	-	(67.117.000)	(67.117.000)
Tại ngày 30/06/2024	386.000.000.000	(46.460.000)	156.869.159.195	(8.965.919.707)	533.856.779.488

Các giao dịch chia cổ tức, phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị Quyết ĐHCĐTN năm 2024 số 01/NQ-ĐHCĐTN.2024, ngày 26/06/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
UBND tỉnh Đồng Tháp (*)	196.860.000.000	196.860.000.000
Ông Ngô Thành Nguyên	29.041.000.000	30.500.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	160.099.000.000	158.640.000.000
Cộng	386.000.000.000	386.000.000.000

Các thông tin Liên quan đến vốn của UBND tỉnh Đồng Tháp như sau:

- Theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.
- Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp".

4.20.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(4.600)	(4.600)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38.595.400	38.595.400

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cát khai thác	36.000.288.627	81.197.515.509
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	26.919.924.147	33.245.687.957
Doanh thu công trình XDCCB	8.371.299.999	17.063.030.910
Doanh thu kinh doanh bất động sản	7.761.431.009	23.218.570.223
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.764.993.215	5.953.314.785
Cộng	84.817.936.997	160.678.119.384
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	88.465.318	6.700.962.667
Doanh thu kỳ này giảm 47% tương đương 75 tỷ VND so với kỳ trước như được thuyết minh tại Mục 1.5.		

4.22. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cát khai thác	21.831.653.927	50.298.102.530
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	20.799.774.331	25.847.040.989
Giá vốn công trình XDCCB	8.820.855.760	16.446.278.877
Giá vốn hàng hóa BĐS	5.917.152.818	16.201.216.780
Giá vốn thử nghiệm, dịch vụ khác	4.982.427.204	4.505.195.332
Cộng	62.351.864.040	113.297.834.508

Giá vốn hàng bán kỳ này giảm so với kỳ trước do giảm doanh thu như được thuyết minh tại Mục 1.5.

4.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.209.717.050	12.330.888.976
Lãi tiền gửi thanh toán	8.860.051	10.625.215
Cổ tức được chia	-	616.011.550
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	13.189.000
Cộng	5.218.577.101	12.970.714.741

Công ty sử dụng tiền gửi có kỳ hạn để thanh toán cho các khoản vay đến hạn, điều này làm cho lượng tiền gửi có kỳ hạn trong kỳ giảm dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính giảm 59% tương đương 7,7 tỷ VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	12.546.444.076	18.763.723.690
Chi phí khác	18.789.815	-
Cộng	12.565.233.891	18.763.723.690

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa trong TSCĐ trong kỳ là 3.950.502.000 VND.

Chi phí tài chính kỳ này giảm 33% so với kỳ trước tương đương gần 6,2 tỷ VND do Công ty giảm lượng tiền vay và lãi suất vay bình quân giảm từ 9%/năm (trong năm 2023) còn 6%/năm (trong 6 tháng đầu năm 2024).

4.25. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	2.925.487.818	3.404.563.949
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.657.725.230	2.662.267.757
Chi phí vật liệu, bao bì	2.010.790.571	2.546.809.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	304.647.981	492.316.648
Chi phí bằng tiền khác	468.471.190	1.909.001.288
Cộng	8.367.122.790	11.014.959.323

Chi phí bán hàng kỳ này giảm 24% tương đương 2,6 tỷ VND so với kỳ trước do hoạt động kinh doanh giảm như được thuyết minh tại Mục 1.5.

4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.385.322.804	7.754.276.899
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dung văn phòng	788.997.519	304.583.316
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.899.309.154	1.464.107.482
Thuế, phí và lệ phí	1.057.621.711	805.631.611
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(287.216.132)	(108.410.347)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	494.783.314	742.684.760
Chi phí bằng tiền khác	5.549.919.586	6.371.630.654
Cộng	16.888.737.956	17.334.504.375

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	21.422.335.783	41.791.344.051
Chi phí nhân công	20.679.444.587	23.422.895.861
Chi phí khấu hao	10.067.287.351	10.152.867.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.491.848.885	17.797.168.610
Chi phí khác	11.234.024.312	42.880.864.935
Cộng	87.894.940.918	136.045.140.553

4.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(8.892.568.158)	15.415.548.146
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	181.848.443	154.140
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(616.011.550)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(8.710.719.715)	14.799.690.736
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Cộng: Thuế TNDN của các năm trước	6.234.549	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	6.234.549	2.959.938.147

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

4.29. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	167.681.356.400	233.263.936.700

4.30. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(242.887.954.074)	(280.549.999.998)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.31. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. UBND tỉnh Đồng Tháp | Chủ sở hữu |
| 2. Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp | Công ty con |
| 3. Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp | Công ty con |
| 4. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2024 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2024 VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	600.000.000	-
	<u>Tại ngày 30/06/2024 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2024 VND</u>
Phải thu ngắn hạn khác – Xem thêm Mục 4.5:		
Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng BMC Đồng Tháp	500.000.000	500.000.000
	<u>Tại ngày 30/06/2024 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2024 VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	(1.819.044.770)	(1.137.194.023)
Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	(64.000.000)	(64.000.000)
Cộng – Xem thêm Mục 4.13	<u>(1.883.044.770)</u>	<u>(1.201.194.023)</u>

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	88.465.318	2.474.978.540

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	9.321.409.197	9.172.504.118
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được hưởng trong kỳ như sau:		
Họ và tên	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Võ Đình Quốc Huy	372.078.000	542.866.000
Bà Trần Thị Thúy Hằng	285.298.000	408.287.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	265.376.000	380.928.000
Ông Nguyễn Trung Ân	212.422.000	180.978.000
Ông Âu Dương Bửu Xuyên	41.670.000	-
Ông Nguyễn Phúc An	244.205.000	292.184.000
Ông Nguyễn Lâm Tùng	-	21.000.000
Ông Trần Ngọc Minh	-	326.507.000
Ông Nguyễn Hữu Phước	-	462.474.000
Bà Vũ Thị Thanh Thuỷ	-	9.000.000
Tổng	1.421.049.000	2.624.224.000

Thù lao và thu nhập của Ban kiểm soát của Công ty được chi tiết như sau:

Họ và tên	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Đặng Thanh Hồng	244.205.000	354.488.000
Bà Trần Huỳnh Tâm Minh	88.667.000	98.713.000
Bà Nguyễn Thị Thanh An	84.585.000	125.935.000
Bà Trương Mộng Tuyền	66.629.000	-
Tổng	484.086.000	579.136.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.32. Kế hoạch mua tài sản hữu hình có giá trị lớn trong tương lai**

Các kế hoạch về chi tiêu tạo lập tài sản cố định tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Cụm công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười (*)	446.694.000.000	446.694.000.000

(*) Công ty đang điều chỉnh tổng mức đầu tư, hồ sơ đề nghị điều chỉnh đã được trình Thủ tướng Chính phủ và đang chờ phê duyệt – Xem thêm Mục 4.7.

4.33. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 40 năm với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	787.329.581	521.575.760

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	727.752.053	737.502.053
Trên 1 năm đến 5 năm	3.570.510.264	3.572.460.264
Trên 5 năm	9.226.658.732	9.583.709.759
Cộng	13.524.921.049	13.893.672.076

4.34. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 05/08/2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thống nhất chủ trương chưa thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2022 cho cổ đông như kế hoạch ghi nhận tại Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-HĐQT ngày 12/01/2024.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.35. Các thông tin khác

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để đóng các mỏ cát. Theo đó, một số mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ, một số đã thông qua đề án đóng cửa mỏ và chỉ phát sinh chi phí tư vấn làm thủ tục đóng cửa mỏ, hỗ trợ chi phí trồng cây dọc bờ sông, chưa phát sinh chi phí hoàn nguyên môi trường. Do đó, Công ty chưa nhận thấy và cũng không có cơ sở để ghi nhận chi phí hoàn nguyên môi trường đối với việc đóng cửa các mỏ cát.




Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc


Nguyễn Phúc An
Kế toán trưởng


Phạm Thị Thu Hiền
Người lập

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 08 năm 2024